

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC LỢI

NỘI DUNG ÔN TẬP, KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
KHỐI 4 - NĂM HỌC 2024 – 2025

I. MÔN TOÁN

1. Số học: Số tự nhiên, phân số

- Đọc, viết, so sánh, nêu cấu tạo các số có nhiều chữ số
- Thực hiện 4 phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên và phân số.
- Rút gọn, quy đồng và so sánh phân số.
- Vận dụng tính chất của phép tính để tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện
- Làm tròn số tới hàng trăm nghìn.
- Số lần xuất hiện trong một sự kiện.
- Số tự nhiên (số chẵn, số lẻ). Dãy số tự nhiên.
- Thực hành ước lượng trong tính toán

2. Đại lượng

- Đổi các đơn vị đo độ dài, diện tích, khối lượng, thời gian,....

3. Hình học

- Góc nhọn, góc tù, góc bẹt, góc vuông.
- Đơn vị đo góc. Độ ($^{\circ}$)
- Hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song.
- Hình bình hành, hình thoi
- Tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật.

4. Giải toán có lời văn

- Tìm số trung bình cộng
- Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.
- Tìm phân số của một số
- Bài toán liên quan đến rút về đơn vị

II. MÔN TIẾNG VIỆT

1. Đọc thành tiếng:

- Đọc và trả lời câu hỏi từ tuần 28 đến tuần 34 các bài đã học (*Học thuộc lòng các bài thơ*)

2. Đọc hiểu:

- HS đọc và trả lời câu hỏi một văn bản ngoài sách giáo khoa. Các câu hỏi theo hình thức: trắc nghiệm, điền khuyết, trả lời câu hỏi.
- Nắm được một số từ ngữ thuộc các chủ điểm đã học từ tuần 28 đến tuần 34 (*Quê hương trong tôi, Vì một thế giới bình yên*)
- Ôn các loại trạng ngữ: phương tiện, mục đích, nguyên nhân, thời gian, nơi chốn.
- Xác định các thành phần trạng ngữ, chủ ngữ - vị ngữ trong câu.
- Đặt câu có đủ thành phần.
- Dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép, dấu ngoặc đơn.



- Luyện viết tên cơ quan, tổ chức
- Lựa chọn các từ ngữ phù hợp để điền vào câu, đoạn văn.
- Danh từ (*Danh từ chung, danh từ riêng*); Động từ; Tính từ
- Quy tắc viết tên cơ quan, tổ chức
- Biện pháp nhân hoá, so sánh

3. Tập làm văn: Văn miêu tả cây cối

III. KHOA HỌC

Bài 20: Nấm ăn và nấm trong chế biến thực phẩm

Bài 24: Chế độ ăn uống cân bằng

Bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng

Bài 27: Phòng tránh đuối nước

Bài 29: Chuỗi thức ăn trong tự nhiên.

IV. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Bài 16: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung

Bài 18: Cổ đô Huế

Bài 20: Thiên nhiên vùng Tây Nguyên

Bài 22: Một số nét văn hóa và lịch sử của đồng bào Tây Nguyên

Bài 25: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ

V. CÔNG NGHỆ

Bài 8: Lắp ghép mô hình bập bênh:

Bài 10: Đồ chơi dân gian.

Bài 9: Lắp ghép mô hình robot.

Bài 11: Làm đèn lồng.

VI. TIẾNG ANH

1. Phạm vi: Từ Unit 7 đến Unit 11

2. Từ vựng:

- Chủ đề Nghề nghiệp: các từ chỉ nghề nghiệp (*chef, doctor, farmer, photographer, vet, firefighter*); nơi làm việc (*in a clinic, In a clinic, in a hospital, In a restaurant, In a studio, On a farm, In the field*) và công việc của từng nghề. (*feed animals, put out fires, take care of, cook good food, take photos*).

- Chủ đề Công nghệ: các từ chỉ thiết bị công nghệ (*smartphone, computer lab, projector, speaker*; trạng từ chỉ tần suất (*sometimes, always*), các hoạt động trong lớp học (*make phone calls, make videos, write emails, surf the internet, use the tablet, work in pairs, work in groups, use the computer lab, use the projector, use the speaker, change the password*).

- Chủ đề Địa điểm trong thị trấn: các địa điểm trong thị trấn (*bookshop, fountain, restaurant, street, train station, bus stop, post office, shopping centre, supermarket* các giới từ chỉ vị trí (*opposite, next to, behind, in front of*), các cách chỉ đường (*cross the road, go straight, turn left, turn right*).

- Chủ đề Kỳ nghỉ: Các từ chỉ thiên nhiên, các địa điểm du lịch (*Bay, Hill, Island, National park*) các hoạt động kỳ nghỉ lễ (*Eat seafood, Make a sandcastle, Go sightseeing, Row a boat, Buy presents, Send a postcard, Stay in a hotel, Write in a diary*).

- Chủ đề Quá khứ: các cụm từ chỉ thời gian trong quá khứ (*Yesterday, Last week, Last month, Last year*), các danh từ thời khủng long và đồ đá (*Dinosaur, Cave, Dinosaur bones, Early people, Mammoth*), các tính từ miêu tả (*huge, scary, strong*)

3. Cấu trúc:

- What does he do? - He's a farmer.
- Where does he work? - He works in a restaurant.
- What does a vet do? - A vet takes care of animals
- She sometimes makes videos on hersmartphone.
- Teacher, can we use the tablet? - Yes, you can.
- Who can use the computer lab? - Teachers and students can
- Is the fountain in front of or behind the restaurant? - It's in front of the restaurant.
- Where do we go shopping? - We go shopping at the supermarket.
- How do we get to the cinema? - Go straight on High Street and then turn right. The cinema is opposite the school.
- Which place would you like to visit on holiday? - I'd like to visit Gargano National Park.
- What do you like doing on holiday? - I like going to the beach and eating seafood.
- I like flying to new places on holiday, but I don't like going to the airport.
- I was at the museum last week.
- T. rex was a strong dinosaur.
- The dinosaur wasn't small.



VII. TIN HỌC

Bài 18: Tạo bài trình chiếu

- Thực hiện được thành thạo việc kích hoạt và ra khỏi phần mềm trình chiếu;
- Tạo được tệp trình chiếu đơn giản có chữ hoa và chữ thường;
- Lưu được tệp sản phẩm vào đúng thư mục theo yêu cầu.

Bài 19: Tạo dấu đầu dòng trong trang trình chiếu

- Thực hiện thành thạo: mở tệp, lưu tệp, chèn hình ảnh vào trang trình chiếu;
- Sử dụng được công cụ tạo dấu đầu dòng.

Bài 20: Định dạng văn bản trong trang trình chiếu

- Định dạng được kiểu, màu, kích thước chữ cho văn bản trong trang chiếu.

Bài 21: Tạo hiệu ứng chuyển trang

- Tạo được một vài hiệu ứng chuyển trang đơn giản cho trang chiếu.

Bài 22: Thực hành tạo bài trình chiếu

- Vận dụng được kiến thức đã học, tạo bài trình chiếu có nội dung tích hợp các môn học;
- Lưu được tệp trình chiếu vào đúng thư mục theo yêu cầu;
- Bước đầu thực hiện được thuyết trình bài trình chiếu.

Bài 23: Sử dụng phần mềm luyện tập gõ bàn phím

- Nhận thấy được phần mềm có thể giúp tập gõ đúng cách, có thể “hướng dẫn” luyện gõ bằng hệ thống bảng chọn và các thông báo;

- Thao tác được với giao diện của phần mềm luyện gõ và tập gõ được theo yêu cầu thấp nhất, ví dụ như tập gõ phím Shift tạo ra chữ hoa, các dấu và các số.

Bài 24: Làm quen với phần mềm Scratch

- Vào được môi trường làm việc của phần mềm Scratch; thoát khỏi phần mềm Scratch;
- Chỉ ra và gọi được tên những vùng cơ bản của cửa sổ phần mềm Scratch;
- Nhận ra được chương trình máy tính qua các trò chơi.

Bài 25: Nhóm lệnh và lệnh

- Nhận biết được nhóm lệnh và các lệnh thuộc nhóm lệnh;
- Tìm hiểu và giải thích được ý nghĩa của một số lệnh trong các nhóm lệnh: chuyển động, hiển thị, âm thanh.

Bài 26: Chương trình Scratch

- Tạo được chương trình Scratch đơn giản từ các lệnh đã biết;
- Lưu được tệp chương trình Scratch vào thư mục mong muốn.
- Sử dụng chương trình máy tính để diễn tả ý tưởng, câu chuyện theo từng bước.

Bài 27: Tạo, xóa nhân vật, thay đổi phong nền sân khấu

- Thực hiện được thao tác tạo, xóa nhân vật và thay đổi được phong nền sân khấu;
- Sử dụng được nhân vật, sân khấu phù hợp với nội dung câu chuyện.

*** Dự kiến lịch kiểm tra định kì cuối học kì II như sau:**

- Môn Tin học: Tuần 31
- Môn Tiếng Anh: 14h ngày 24/4/2025
- Môn Công nghệ: 14h ngày 06/5/2025
- Môn Khoa học: 14h ngày 07/5/2025
- Môn Lịch Sử - Địa lý: 14h ngày 08/5/2025
- Môn Tiếng Việt: 8h40 ngày 13/5/2025
- Môn Toán: 8h40 ngày 14/5/2025

Phúc Lợi, ngày 08 tháng 4 năm 2025

NHÓM TRƯỞNG

GIÁO VIÊN TIN HỌC

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Hoàng Mai Phương

Nguyễn Hải Yến

Bò Thị Minh Hạnh

